

Số: 1165/2023/QĐST-HNGĐ

TPTĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 508/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: N.H.N.H, sinh năm: a;

Số CCCD: b do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2022.

Địa chỉ hộ khẩu: 8/4A Đường H, Khu phố B, phường CL, TPTĐ, TPHCM.

Địa chỉ liên hệ: A/78 Ấp BC, xã ĐP, huyện NT, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông ĐAV, sinh năm: 1990;

Số CCCD: C do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022.

Địa chỉ: Số 32/4/5 Đường H, Khu phố B, phường TML, TPTĐ, TPHCM.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: N.H.N.H, sinh năm: 1990;

Số CCCD: 079190003837 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2022.

Địa chỉ hộ khẩu: 8/4A Đường H, Khu phố B, phường CL, TPTĐ, TPHCM.

Địa chỉ liên hệ: A/78 Ấp BC, xã ĐP, huyện NT, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông ĐAV, sinh năm: 1990;

Số CCCD: C do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/02/2022.

Địa chỉ: Số 32/4/5 Đường H, Khu phố B, phường TML, TPTĐ, TPHCM.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà N.H.N.H và ông ĐAV thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số M, quyển số K ngày 27/12/2011 tại Ủy ban nhân dân phường TML, TPTĐ, TPHCM chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà N.H.N.H tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số AA/2022/K do Chi cục Thi hành án dân sự TPTĐ lập ngày 03/3/2023. Hoàn trả cho bà Hạnh số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Ông V không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. TĐ
- VKSND TP. TĐ;
- UBND phường TML, TP. TĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VTP